

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN**  
**CHUYÊN NGÀNH 1: SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT TRONG NHÀ CÓ MÁI CHE**  
**CHUYÊN NGÀNH 2: THIẾT KẾ VÀ TẠO DỰNG CẢNH QUAN**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**RQ03040: NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ (ORGANIC AGRICULTURE)**

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5- Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
  - + Thực hành: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Phương pháp thí nghiệm và Thống kê sinh học
  - Khoa: Nông học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: không yêu cầu
- Học phần tiên quyết: không yêu cầu
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**

*\* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

<b>Chuẩn đầu ra</b> Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra</b>
<b>Kiến thức chuyên môn</b>	
<b>CDR2.</b> Ứng dụng kiến thức khoa học và kỹ thuật canh tác cây trồng vào sản xuất các sản phẩm rau hoa quả đáp ứng nhu cầu thị trường	2.1. Ứng dụng kiến thức khoa học cây trồng vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến sản xuất sản phẩm rau hoa quả đáp ứng nhu cầu thị trường.  2.2. Ứng dụng kỹ thuật canh tác cây trồng vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến sản xuất sản phẩm rau hoa quả đáp ứng nhu cầu thị trường.

<b>Chuẩn đầu ra</b> Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra</b>
<b>Kỹ năng chuyên môn</b>	
<b>CĐR7.</b> Nghiên cứu thị trường nội địa và thế giới cho các sản phẩm RHQ&CQ đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe cộng đồng, môi trường và kinh tế.	7.3. Đề xuất các chiến lược phát triển sản phẩm RHQ&CQ đáp ứng yêu cầu về sức khỏe cộng đồng, môi trường và kinh tế Việt Nam và hướng đến thị trường thế giới.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>CĐR9.</b> Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức và tôn trọng đa văn hóa.	9.2. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường.
<b>CĐR10.</b> Thể hiện sự sẵn sàng học tập suốt đời, có tinh thần đổi mới và sáng tạo để đáp ứng với sự thay đổi nhanh của khoa học và công nghệ.	10.2. Sẵn sàng học tập khi có cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức và năng lực.

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

**\* Mục tiêu:**

**Học phần giảng dạy kiến thức về các** khái niệm, nguyên tắc, tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ và cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật áp dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ và kỹ thuật quản lý từ sản xuất đến sơ chế, bảo quản và marketing sản phẩm hữu cơ..

**Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng** thực hành một số biện pháp kỹ thuật chính trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ và vận dụng kiến thức đã học vào việc thiết kế và xây dựng kế hoạch sản xuất cho 1 trang trại hữu cơ.

**Học phần hình thành cho sinh viên thái độ** tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp bảo vệ môi trường và sẵn sàng học tập suốt đời.

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT				
		2.1	2.2	7.3	9.2	10.2
RQ03040	Nông nghiệp hữu cơ	R	R	R	M	M

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích khái niệm và nguyên tắc của sản xuất nông nghiệp hữu cơ và kiến thức khoa học cây trồng vào xây dựng qui trình sản xuất cây trồng hữu cơ	2.1

K2	Vận dụng cơ sở khoa học của các biện pháp kỹ thuật canh tác trong quản lý đất, nước, dinh dưỡng, cây trồng, dịch hại, thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản và marketing vào xây dựng qui trình sản xuất cây trồng hữu cơ	2.2
Kĩ năng		
K3	Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế và xây dựng kế hoạch, thực hiện qui trình sản xuất hữu cơ cho 1 trang trại hữu cơ	7.3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ kết hợp bảo vệ môi trường.	9.2
K5	Sẵn sàng học tập suốt đời	10.2

#### IV. Nội dung tóm tắt của học phần

**Mã: RQ03040 – Nông nghiệp hữu cơ (Tổng số tín chỉ: 2TC: 1,5 - 0,5 - 6)**

Học phần gồm các nội dung: Học phần này bao gồm: Khái niệm cơ bản về nông nghiệp hữu cơ; Lịch sử phát triển nông nghiệp hữu cơ; Các nguyên tắc của nông nghiệp hữu cơ; Quản lý đất, nước cho sản xuất hữu cơ; Quản lý dinh dưỡng cho cây trồng hữu cơ; Quản lý về kỹ thuật canh tác cho cây trồng hữu cơ; Quản lý sâu bệnh trong sản xuất hữu cơ; Quản lý trong sơ chế, bảo quản cho sản phẩm hữu cơ; Quản lý thị trường sản phẩm hữu cơ; Thực tiễn về sản xuất hữu cơ của Việt Nam.

#### V. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy

**Bảng 1: Phương pháp giảng dạy**

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Giảng giải	x	x		x	x
Thảo luận nhóm	x	x		x	x
Thuyết trình		x	x	x	x
Thực hành			x	x	x

##### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến lớp để có thể tham gia tích cực vào bài giảng của giảng viên
- Trên lớp học, sinh viên cần tích cực tham gia vào các hoạt động của lớp học như: nghe giảng, trả lời câu hỏi của giáo viên...
- Học qua thực hành, chủ động tìm kiếm tài liệu học tập
- Tự làm bài tập về nhà
- Học tập qua E-learning

#### VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp ít nhất 70% số tiết học lý thuyết
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo trước khi đến lớp học.
- Thuyết trình: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thực hiện buổi thuyết trình.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đủ 3 buổi thực hành và báo cáo thực hành.
- Thi cuối kì: Sinh viên tham dự bài thi cuối kỳ sau khi kết thúc học phần theo lịch của Học viện.

## VII. Đánh giá và cho điểm

### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

### 3. Phương pháp đánh giá

**Bảng 2. Ma trận đánh giá**

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
<b>Đánh giá quá trình (10%)</b>						
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (80%)					x	Tuần 1-8
Rubric 2. Thảo luận nhóm (20%)	x	x		x		Tuần 1-8
<b>Đánh giá giữa kỳ (30%)</b>						
Rubric 3. Đánh giá thuyết trình (50%)		x	x	x		Tuần 8
Rubric 4. Đánh giá thực hành (50%)			x	x		Tuần 4 đến tuần 8
<b>Đánh giá cuối kỳ (60%)</b>						
Rubric 5. Kiểm tra cuối kỳ	x	x	x	x		Theo lịch của Học viện

**Rubric 1: Đánh giá chuyên cần**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý lắng nghe, tương tác tốt các hoạt động trên lớp	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	80	Vắng 1 buổi trừ 1 điểm	Vắng 2 buổi trừ 2 điểm	Vắng 3 buổi trừ 3 điểm	Vắng trên 3 buổi

**Rubric 2: Thảo luận nhóm**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

**Rubric 3. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Hình thức bài thuyết trình	10	Hình thức sạch đẹp, đủ nội dung	Hình thức đảm bảo, có nội dung chính	Hình thức không đẹp, chữ nhỏ, nhiều sai sót	Báo cáo sơ sài, chưa đủ nội dung
Nội dung thuyết trình	40	Nội dung đầy đủ và đáp ứng tốt yêu cầu	Nội dung đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Nội dung đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Nội dung không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Trả lời câu hỏi	40	Trả lời tốt, rõ ràng tất cả các câu hỏi	Trả lời khá rõ ràng tất cả các câu hỏi	Trả lời tương đối rõ ràng các câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi
Trình bày bài thuyết trình	10	Nói to rõ ràng, ngữ điệu phù hợp	Nói to rõ ràng, ngữ điệu chưa phù hợp	Nói bình thường, ngữ điệu chưa phù hợp	Nói nhỏ, ngữ điệu chưa phù hợp

**Rubric 4: Đánh giá thực hành**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Trình bày kết quả thực hành	10	Nói to rõ ràng, ngữ điệu phù hợp	Nói to rõ ràng, ngữ điệu chưa phù hợp	Nói bình thường, ngữ điệu chưa phù hợp	Nói nhỏ, ngữ điệu chưa phù hợp

**Rubric 5: Đánh giá thi cuối kì**

Thi cuối kì: Dạng bài thi tự luận, không được sử dụng tài liệu

Nội dung thi cuối kì	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Khái niệm và nguyên tắc của sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Chỉ báo 1. Phân tích khái niệm nông nghiệp hữu cơ (theo IFOAM) và các nguyên tắc trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ? Áp dụng trong nông nghiệp hữu cơ ta phải làm gì?	K1, K4
Các phương pháp quản lý đất, nước,	Chỉ báo 2. Trình bày các biện pháp quản lý đất trong nông nghiệp hữu cơ	K2, K3, K4

dinh dưỡng, cây trồng, dịch hại, thu hoạch và bảo quản và marketing nông sản trong nông nghiệp hữu cơ	Chỉ báo 3. Trình bày các biện pháp quản lý dinh dưỡng trong nông nghiệp hữu cơ Chỉ báo 4. Trình bày các biện pháp quản lý cây trồng trong nông nghiệp hữu cơ Chỉ báo 5. Trình bày các biện pháp quản lý dịch hại trong nông nghiệp hữu cơ Chỉ báo 6. Trình bày các biện pháp quản lý sau thu hoạch và marketing sản phẩm hữu cơ	
---	--	--

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

*Đúng giờ:* Sinh viên đến muộn quá 15 phút sau khi vào lớp bị coi là vắng mặt.

*Thời gian tham dự:* Tham dự trên 70% số tiết lý thuyết trên lớp là điều kiện cần để tham gia thi cuối kì.

*Tham dự thuyết trình:* Sinh viên không có bài thuyết trình sẽ bị 0 điểm.

*Tham dự các buổi thực hành:* Sinh viên phải tham dự đủ 3 buổi thực hành tại trường và kết quả bài kiểm tra thực hành phải đạt trung bình trở lên (từ 5 điểm theo thang điểm 10) được coi là điều kiện cần để tham gia thi cuối kì.

*Yêu cầu về đạo đức:* Sinh viên có trang phục và hành xử phù hợp khi tham gia lớp học.

#### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

##### \* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Nguyễn Thị Ái Nghĩa. (2021). *Bài giảng Nông nghiệp hữu cơ*.
2. Phạm Tiến Dũng, Lê Văn Hưng, Nguyễn Thị Ái Nghĩa, Nguyễn Thị Ngọc Dinh, Nguyễn Hồng Hạnh và Phí Thị Diễm Hồng. (2016). *Giáo trình Nông nghiệp hữu cơ*. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.

##### \* Tài liệu tham khảo khác:

1. Gregory A.Barton (2018). *The global history of organic farming*. Oxford university express.

#### VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<b>Chương 1: Đại cương về nông nghiệp hữu cơ</b>	
1,2	<b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (4 tiết)</b> 1.1. Các khái niệm về nông nghiệp hữu cơ 1.2. Lịch sử hình thành phát triển nông nghiệp hữu cơ 1.3. Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ 1.2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên thế giới 1.2.2. Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ Việt Nam 1.4. Các nguyên tắc của nông nghiệp hữu cơ	K1, K3, K4

	<p>1.5. Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam</p> <p><b>Nội dung thảo luận: (2 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận sự cần thiết của nông nghiệp hữu cơ</li> <li>- Thảo luận các nguyên tắc của nông nghiệp hữu cơ</li> <li>- So sánh sự khác nhau giữa nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp thông thường</li> </ul> <p><b>Nội dung thực hành: (3 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế trang trại và xây dựng kế hoạch, qui trình sản xuất hữu cơ cho 1 trang trại hữu cơ</li> </ul>	
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</b></p> <p>1.5. Những nguyên tắc và các bộ tiêu chuẩn của nông nghiệp hữu cơ</p>	K1, K5
	<p><b>Chương 2: Quản lý đất – nước – dinh dưỡng – cây trồng trong nông nghiệp hữu cơ</b></p>	
3,4	<p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <p>2.1. Quản lý đất cho canh tác hữu cơ</p> <p>2.2. Quản lý nước cho canh tác hữu cơ</p> <p>2.3. Quản lý cây trồng hữu cơ</p> <p>2.4. Quản lý dinh dưỡng cho sản xuất cây trồng hữu cơ</p> <p><b>Nội dung thảo luận: (1 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự cần thiết và vai trò của các biện pháp quản lý trong canh tác hữu cơ</li> </ul> <p><b>Nội dung thực hành: (2 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiết xuất dung dịch dinh dưỡng hữu cơ</li> </ul>	K2, K3
	<p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết)</b></p> <p>2.5. Các biện pháp quản lý đất – nước – dinh dưỡng – cây trồng trong canh tác hữu cơ</p>	K2, K5
	<p><b>Chương 3: Quản lý dịch hại trong canh tác hữu cơ</b></p>	
5	<p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</b></p> <p>3.1. Nguyên lý quản lý dịch hại trong sản xuất hữu cơ</p> <p>3.2. Phương pháp quản lý dịch hại trên các đối tượng</p> <p>3.2.1. Quản lý bệnh hại trên cây trồng hữu cơ</p> <p>3.2.2. Quản lý sâu hại trên cây trồng hữu cơ</p> <p>3.2.3. Quản lý thiên địch</p> <p>3.2.4. Quản lý cỏ dại</p> <p><b>Nội dung thực hành: (3 tiết)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra hệ sinh thái đồng ruộng</li> </ul>	K2, K3, K4

	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b> 3.3. Nguyên lý và biện pháp quản lý dịch hại trong nông nghiệp hữu cơ	K2, K5
6	<b>Chương 4: Thu hoạch và bảo quản nông sản hữu cơ</b>	
	<b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1,5 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:(1,5 tiết)</b> 4.1. Thu hoạch và bao gói nông sản hữu cơ 4.2. Bảo quản và vận chuyển nông sản hữu cơ	K2
	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4,5 tiết)</b> 4.3. Các nguyên tắc và biện pháp thu hoạch và bảo quản nông sản hữu cơ	K2, K5
6	<b>Chương 5: Thị trường nông sản hữu cơ</b>	
	<b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1,5 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:(1,5 tiết)</b> 5.1. Khái niệm thị trường nông sản hữu cơ 5.2. Thị trường thế giới 5.3. Thị trường trong nước	K2
	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4,5 tiết)</b> 5.4. Thị trường nông sản hữu cơ	K2, K5
7	<b>Seminar sinh viên: (3 tiết)</b> <b>Nội dung seminar:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm đất tối thiểu và không làm đất trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Sử dụng vật liệu che phủ và cây che phủ trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Luân canh trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Đa dạng sinh học trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Cây dẫn dụ trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Biện pháp sinh học trong quản lý dịch hại trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Quản lý cỏ dại trong canh tác hữu cơ</li> <li>- Thương mại công bằng (Fair trade)</li> <li>- Biodynamic</li> <li>- Nông nghiệp hữu cơ và an ninh lương thực</li> <li>- Nông nghiệp hữu cơ và biến đổi khí hậu</li> <li>- Hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI)</li> </ul>	K1, K2, K4, K5
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên chuẩn bị các bài thuyết trình theo chủ đề chọn từ mục lục trên</li> </ul>	K1, K2, K5



**IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học, thực hành: 1
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu
- Các phương tiện khác: vật liệu động thực vật để ngâm ủ phân, giấy A0, bút dạ
- E-learning

Hà Nội, ngày...20 tháng...7 năm...2022

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Đình

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Ái Nghĩa

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Ninh Thị Phíp

**GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC  
GS.TS. Phạm Văn Cường

## PHỤ LỤC

### THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: NGUYỄN THỊ ÁI NGHĨA	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phương pháp thí nghiệm và Thống kê sinh học, Khoa Nông học	Điện thoại liên hệ: 0961204488
Email:nguyennghia.hua@gmail.com	Trang web: <a href="http://nonghoc.vnua.edu.vn/">http://nonghoc.vnua.edu.vn/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: nguyennghia.hua@gmail.com	

#### Giảng viên tham gia học phần

Họ và tên: NGUYỄN HỒNG HẠNH	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Phương pháp thí nghiệm và Thống kê sinh học, Khoa Nông học	Điện thoại liên hệ: 0987706071
Email: nhhanh@vnua.edu.vn	Trang web: <a href="http://nonghoc.vnua.edu.vn/">http://nonghoc.vnua.edu.vn/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: nhhanh@vnua.edu.vn	

#### BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
<b>DẠY VÀ HỌC</b>					
Giảng giải	x	x			
Thảo luận nhóm	x	x		x	x
Thuyết trình		x	x	x	x
Thực hành			x	x	x
<b>ĐÁNH GIÁ</b>					
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần					x
Rubric 2. Đánh giá thảo luận nhóm	x	x		x	
Rubric 3. Đánh giá thuyết trình		x	x	x	
Rubric 4. Đánh giá thực hành			x	x	
Rubric 5. Đánh giá thi cuối kì	x	x	x	x	

#### CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

*Hướng dẫn phương pháp thuyết trình, Cập nhật tài liệu tham khảo*

- Lần 2: 7/ 2020

*Chỉnh sửa kết quả học tập mong đợi, Cập nhật tài liệu tham khảo*

- Lần 3: 7/ 2021

*Cập nhật tài liệu tham khảo*